

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HSST
Ngày 07-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lầy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Anh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Phạm Thị T; sinh ngày 06/6/1974; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ P, N, quận Kiến An, Hải Phòng; chỗ ở: Nhà số 282b đường N, tổ L, phường P, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; dân tộc Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: **6/10**. Con ông Phạm Khắc U, đã chết; con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/01/2022 đến ngày 05/02/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hoàng Thị Ngọc L, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ H 1, phường N, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. (**Vắng mặt**).

- Người làm chứng: Phạm Thị Thúy H (**Vắng mặt**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/01/2022, chị Hoàng Thị Ngọc L (sinh năm 1974; trú tại tổ H 1, phường N, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng) có Đơn tố giác tội phạm gửi Công an quận Kiến An tố cáo Phạm Thị T có hành vi cho vay lãi nặng.

Đến hồi 20 giờ ngày 27/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Kiến An phát hiện, bắt quả tang Phạm Thị T đang nhận của chị L số tiền 137.000.000 đồng, T giữ toàn bộ số tiền trên và 01 giấy vay tiền viết tay thể hiện việc vay tiền, tính lãi giữa T và chị L. Trong quá trình bắt quả tang, Phạm Thị T có hành vi dùng tay xé giấy vay tiền giữa T và chị L, nhưng Cơ quan điều tra đã kịp thời ngăn chặn sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Kiến An lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Thị T. Vật chứng thu giữ gồm: Số tiền 137.000.000 đồng và 01 giấy vay tiền viết tay thể hiện việc vay tiền, tính lãi giữa T và chị L.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thị T tại số 282b đường Nguyễn Lương Bằng, phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Kiến An T giữ:

- 01 giấy nộp tiền kiêm bảng kê của ngân hàng Techcombank ngày 25/11/2020 có chữ ký của Đỗ Thị T Huyền.
- 01 Sổ hộ khẩu cấp ngày 14/7/2014, chủ hộ là Trịnh Văn Tận.
- 01 Biên lai T lãi và T tiền gửi ngày 17/3/2015, phần khách hàng mang tên Phạm Thị T.
- 01 bản phô tô có công chứng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị Thiêm, Nguyễn Đình Trụ.
- 01 Sổ hộ khẩu cấp ngày 04/11/2004, chủ hộ là Hoàng Trọng Thanh.
- 01 Sổ hộ khẩu và 01 bản phô tô có công chứng cấp ngày 25/9/2009 chủ hộ là Phan Trọng Thủy.
- 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Phạm Bảo Ngọc.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Thị T khai nhận: Từ đầu năm 2021 do chị Hoàng Thị Ngọc L có khó khăn về kinh tế nên chị L có vay nợ của T. Tổng số tiền T đã cho chị L vay là 110.000.000 đồng, chia làm 4 đợt. Khi cho chị L vay, T yêu cầu tính lãi là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng lãi suất 109,5%/1 năm; cao gấp 5,475 mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định). Ngay sau khi nhận tiền vay, chị L phải trả lãi cho T.

Tính đến thời điểm ngày 27/01/2022, Phạm Thị T đã nhận được đủ số tiền gốc và lãi theo đúng thỏa Tận giữa T và chị L. Cụ thể số tiền chị L đã vay của T và số tiền lãi đã thanh toán là:

- Đợt 1: từ 15/01/2021 đến tháng 5/2021, T cho chị L vay 30.000.000 đồng (tiền lãi tính tròn 4 tháng), số tiền lãi chị L đã trả là:

$$2.700.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ tháng} = 10.800.000 \text{ đồng.}$$

- Đợt 2: từ tháng 5/2021 đến tháng 10/2021, T cho chị L vay thêm 30.000.000 đồng, tổng tiền vay là 60.000.000 đồng, thời gian vay 5 tháng, số tiền lãi chị L đã trả là:

$$5.400.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} = 27.000.000 \text{ đồng.}$$

- Đợt 3: từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2021, T cho chị L vay thêm 30.000.000 đồng, tổng tiền vay là 90.000.000 đồng, số tiền lãi chị L đã trả là:

$$8.100.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ tháng} = 8.100.000 \text{ đồng.}$$

- Đợt 4: từ tháng 11/2021 đến khi bị bắt, T cho chị L vay thêm 20.000.000 đồng, tổng tiền vay là 110.000.000 đồng, số tiền lãi chị L đã trả là:

$$9.900.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 19.800.000 \text{ đồng.}$$

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa Tận. Trường hợp các bên có thỏa Tận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa Tận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.” Như vậy, trong các lần cho vay nói trên số tiền lãi theo quy định của pháp luật và khoản tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự là:

- Đợt 1: từ 15/01/2021 đến tháng 5/2021, thời gian vay 4 tháng, số tiền vay 30.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định pháp luật là 2.000.000 đồng. Số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật là $10.800.000 - 2.000.000 = 8.800.000$ đồng.

- Đợt 2: từ tháng 5/2021 đến tháng 10/2021, thời gian vay 5 tháng, tổng số tiền vay 60.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định pháp luật là 5.000.000 đồng. Số tiền T lời bất chính là $27.000.000 - 5.000.000 = 22.000.000$ đồng.

- Đợt 3: từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2021, thời gian vay 1 tháng, tổng số tiền vay 90.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định pháp luật là 1.500.000 đồng. Số tiền T lời bất chính là $8.100.000 - 1.500.000 = 6.600.000$ đồng.

- Đợt 4: từ tháng 11/2021 đến khi bị bắt, thời gian vay 2 tháng, tổng số tiền vay 110.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định pháp luật là 3.666.667 đồng. Số tiền T lời bất chính là $19.800.000 - 3.666.667 = 16.133.333$ đồng.

Tổng số tiền lãi theo quy định là 12.666.667 đồng.

Tổng số tiền T lời bất chính mà T đã hưởng trong suốt thời gian cho chị L vay tiền là 53.533.000 đồng.

Lời khai của chị Hoàng Thị Ngọc L: Tiền lãi hàng tháng, chị L trả trực tiếp cho T bằng tiền mặt hoặc thông qua chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng Techcombank của T. Do tiền lãi quá cao, không còn khả năng chi trả nên chị L đóng chậm lãi hơn 02 tháng. T yêu cầu chị L phải thanh toán toàn bộ tiền gốc là lãi nếu không sẽ công bố bí mật đời tư, bôi nhọ danh dự chị L. Khoảng 20 giờ ngày 27/01/2022, chị L mang 137.000.000 đồng đến nhà T để trả tiền gốc và tiền lãi (tiền gốc 110.000.000 đồng, tiền lãi 27.000.000 đồng) thì Cơ quan Công an kiểm tra hành chính, bắt quả tang như đã nêu trên. Quá trình điều tra, gia đình Phạm Thị T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Kiến An nộp số tiền 38.700.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Ngày 05/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Kiến An ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Thị T về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 25/5/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng truy tố Phạm Thị T về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”; áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm Thị T từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 393 ngày (tương đương 13 tháng) cải tạo không giam giữ do bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 131 ngày (Từ ngày 27/01/2022 đến ngày 07/06/2022). Xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch T sung quỹ nhà nước số tiền 110.000.000 đồng là khoản tiền bị cáo T sử dụng để cho vay và số tiền 12.166.667 đồng là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo T đã T của chị L. Trả lại chị Hoàng Thị Ngọc L số tiền 53.533.333 đồng là số tiền bị cáo T đã T lời bất chính từ người vay là chị Hoàng Thị Ngọc L. Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định là 200.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo không có ý kiến gì đối với quan điểm luận tội của Viện Kiểm sát, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Kiến An thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa và đã có lời khai trực tiếp tại Cơ quan điều tra. Xét thấy việc vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, Điều 193 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử và công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, Phạm Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022 Phạm Thị T đã có hành vi cho chị Hoàng Thị Ngọc L vay tổng số tiền là 110.000.000 đồng, cứ mỗi triệu đồng tiền vay một ngày chị T phải chịu là 3.000 đồng, tương ứng lãi suất là 109,5%/năm, cao gấp 5,475 mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, tổng số tiền lãi T nhận của chị L là 65.700.000 đồng, trong đó số tiền T lời bất chính là 53.533.333 đồng. Hành vi của Phạm Thị T đã vi phạm Điều 201 Bộ luật Hình sự, phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Với việc cho vay với lãi suất gấp 5,475 mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và T lời bất chính là 53.533.333 đồng bị cáo Phạm Thị T vi phạm khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, điều luật quy định: “1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, T lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An đã truy tố Phạm Thị T ra trước Tòa án nhân dân quận Kiến An để xét xử về tội danh theo điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo mang tính nguy hiểm cho xã hội; không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, đây là nguyên nhân làm phát sinh những loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Phạm tội lần đầu và Tộc trưởng hợp ít nghiêm trọng”, đã khắc phục hậu quả, bị cáo có bố đẻ là Phạm Khắc Un được tặng Huy chương kháng chiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[6] Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...*”. Tuy nhiên bị cáo hiện không có công việc và T nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Thị T.

[7] Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra thông báo tìm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến hành vi của Phạm Thị T và đã nhận được trình báo của anh Lê Hồng Thiện (sinh năm 1984, địa chỉ số 360 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng) tuy nhiên anh Thiện chưa cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh hiện anh Thiện không có mặt tại địa chỉ trên, không rõ anh Thiện đang ở đâu, làm gì nên chưa có căn cứ xác định được hành vi của Phạm Thị T. Đối với nội dung trình bày của anh Lê Hồng Thiện, Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý.

- Về vật chứng:

[8] Vật chứng của vụ án gồm: Số tiền 127.000.000 đồng, 01 giấy nộp tiền kiêm bảng kê của ngân hàng Techcombank ngày 25/11/2020 có chữ ký của Đỗ Thị T H; 01 Sổ hộ khẩu cấp ngày 14/7/2014, chủ hộ là Trịnh Văn Tận; 01 Biên lai T lãi và T tiền gửi ngày 17/3/2015, phần khách hàng mang tên Phạm Thị T; 01 bản pho

tô có công chứng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị T, Nguyễn Đình T; 01 Sổ hộ khẩu cấp ngày 04/11/2004, chủ hộ là Hoàng Trọng T; 01 Sổ hộ khẩu và 01 bản photo có công chứng cấp ngày 25/9/2009 chủ hộ là Phan Trọng T; 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Phạm Bảo N. Bị cáo T đã nộp số tiền 38.700.000 đồng để khắc phục hậu quả.

[9] Đối với số tiền 110.000.000 đồng là khoản tiền bị cáo T sử dụng để cho vay, là công cụ phạm tội cần tịch T sung quỹ nhà nước.

[10] Đối với số tiền 12.166.667 đồng là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo T đã T của chị L cần tịch T sung quỹ nhà nước.

[11] Đối với số tiền 53.533.333 đồng là số tiền bị cáo T đã T lời bất chính từ người vay là chị L nên trả lại chị L.

[12] Đối với 01 giấy nộp tiền kiêm bảng kê của ngân hàng Techcombank ngày 25/11/2020; 01 Sổ hộ khẩu cấp ngày 14/7/2014, chủ hộ là Trịnh Văn Tận; 01 Biên lai T lãi và T tiền gửi ngày 17/3/2015; 01 bản photo có công chứng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị T, Nguyễn Đình T; 01 sổ hộ khẩu cấp ngày 04/11/2004, chủ hộ là Hoàng Trọng T; 01 Sổ hộ khẩu và 01 bản photo có công chứng cấp ngày 25/9/2009 chủ hộ là Phan Trọng T; 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Phạm Bảo N. Các giấy tờ trên không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Kiến An đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các giấy tờ trên cho gia đình Phạm Thị T.

- Về án phí:

[13] Bị cáo Phạm Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 ; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm Thị T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, trừ cho bị cáo 393 ngày (tương đương 13 tháng) cải tạo không giam giữ do bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 131 ngày (Từ ngày 27/01/2022 đến ngày 07/06/2022) bị cáo còn phải chấp hành 05 (Năm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nhận được bản án và quyết định Thi hành án.

Thả tự do cho bị cáo Phạm Thị T ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

Do bị cáo không có công việc và T nhập ổn định nên miễn việc khấu trừ T nhập đối với Phạm Thị T.

Vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch T sung quỹ nhà nước số tiền 122.166.667 (Một trăm hai mươi hai triệu một trăm sáu mươi sáu đồng sáu trăm sáu mươi bảy) đồng. Trả chị Hoàng Thị Ngọc L số tiền 53.533.333 (Năm mươi ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Phạm Thị T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị Ngọc L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng, quận Kiến An;
- Công an quận Kiến An;
- Thi hành án quận Kiến An; Sở tư pháp;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn, quận Kiến An;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Hóa

Vũ Văn Lầy

Nguyễn Thị Lan Hương

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Công an quận Kiến An;
- Thi hành án quận Kiến An; Sở tư pháp;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương